

Bản án số: 07/2020/HS-PT
Ngày: 14-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Minh Tự
Ông Ngô Đề

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình, Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hoàng, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2019/HSPT ngày 02/12/2019 đối với bị cáo Huỳnh Thị K. Do có kháng cáo của các bị hại bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy P, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị Mười H, bà Cao Thị H, bà Phạm Thị H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2019/HSST, ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Huỳnh Thị K sinh năm 1977 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn B sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1954; có chồng Nguyễn Văn S sinh năm 1978 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2013; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2019 đến ngày 11-10-2019 được trả tự do tại ngoại cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại có kháng cáo:

1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

4. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Mười H, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

6. Bà Cao Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

7. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

Người bảo vệ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M, bà P, bà N, bà T, bà Mười H, bà H, bà H1, luật sư Nguyễn Văn Năm, văn phòng luật sư Giang Minh Châu, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thị K bắt đầu làm đầu thảo hụi năm 2009 gồm nhiều dây hụi từ 2.000.000 đến 5.000.000 đồng, 04 tháng khai một lần, mỗi dây hụi có từ 16 – 17 người tham gia. Trước thời gian làm đầu thảo hụi thì K có tham gia hụi là hụi viên, trong thời gian làm đầu thảo K có ý định mở tiệm kinh doanh bán đồ nhựa, đồ điện nhưng không có vốn nên mới hốt 02 dây hụi mà K là hụi viên để làm vốn, do mua bán thua lỗ nên K nảy sinh ý định đặt ra hụi khổng và tự ý hốt hụi của hụi viên, lấy tiền để đóng các dây hụi chết mà K đã hốt, do việc đóng hụi chết và tiêu xài cá nhân cho đến ngày 15/8/2015 al thì K tuyên bố vỡ hụi, trong khi vỡ hụi thì còn 08 dây hụi chưa mãn, trong 08 dây này có 04 dây bị cáo K chiếm đoạt bằng hình thức là kê hụi khổng của 02 người và tự ý hốt của 02 hụi viên, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 01: Dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 04/3/2011 dương lịch (âm lịch là ngày 30/01/2011), hụi khai 04 tháng 01 lần, gồm 17 phần hụi, có 17 người tham gia và tên trong dây hụi như sau: Nguyễn Văn H (01 phần), Lê Thị M (01 phần), Cao Thị D (01 phần), Lê Thị Mỹ H (01 phần), Nguyễn Thị N (01 phần), Huỳnh Văn T1 (01 phần), Huỳnh Thị K (01 phần), Nguyễn Thị H2 (01 phần), Lê Thị N (01 phần), Huỳnh Thị T (01 phần), Nguyễn Thị Thúy P (01 phần, bị cáo tự ý hốt), Nguyễn Thị H (01 phần), Phan Thị T (01 phần), Nguyễn Thị Kim T (01 phần), Nguyễn Thị P (01 phần), Lương Văn K (01 phần), Huỳnh Thị T (01 phần).

Trong dây hụi này, có 17 hụi viên tham gia kể cả K, mỗi người tham gia 01 phần, hụi khai được 14 kỳ thì vỡ hụi còn 03 người chưa hốt hụi (Lê Thị M, Huỳnh Thị K, Nguyễn Thị H2), số tiền các hụi viên đóng tổng cộng là 325.330.000 đồng. Vào kỳ khai thứ 06, K tự ý kêu 2.600.000 đồng và hốt phần hụi tên “Thiểm 8 Tho” do hụi viên Nguyễn Thị Thúy P tham gia (P không biết việc K tự ý hốt), số tiền hốt được là 51.400.000 đồng. Sau đó, K tiếp tục choàng tiền đóng hụi chết đến lúc vỡ hụi được số tiền 25.520.000 đồng. Như vậy, K chiếm đoạt tiền của các hụi viên trong dây hụi này với số tiền là 25.880.000 đồng.

Dây hội thứ 02: Dây hội 5.000.000 đồng, mở ngày 04/3/2011 dương lịch (âm lịch là ngày 30/01/2011), hội khai 04 tháng 01 lần, gồm 17 phần hội, có 16 người tham gia và tên trong dây hội như sau: Nguyễn Văn H (01 phần), Lê Thị M (01 phần), Cao Thị D (01 phần), Nguyễn Thị V (01 phần), Nguyễn Thị N (01 phần), Huỳnh Văn T1 (01 phần), Huỳnh Thị K (02 phần), Lê Thị N (01 phần), Nguyễn Thị Thúy P (01 phần, bị cáo tự ý hốt), Nguyễn Thị L (01 phần), Phạm Thị H1 (01 phần), Trần Thị Đ (01 phần), Lê Thị Hồng H (01 phần), Nguyễn Thị L (01 phần), Huỳnh Thị T (01 phần), Nguyễn Thị M (01 phần).

Trong dây hội này, có 16 hội viên tham gia kể cả K, mỗi người tham gia 01 phần, riêng K tham gia 02 phần, hội khai được 14 kỳ thì vỡ hội còn 03 người chưa hốt hội (Nguyễn Thị N, Phạm Thị H1, Huỳnh Thị K), số tiền các hội viên đóng tổng cộng là 336.900.000 đồng. Vào kỳ khai thứ 04, K tự ý kêu 2.320.000 đồng và hốt phần hội tên “8 Tho” do hội viên Nguyễn Thị Thúy P tham gia (P không biết việc K tự ý hốt), số tiền hốt được là 47.160.000 đồng. Sau đó, K tiếp tục choàng tiền đóng hội chết đến lúc vỡ hội được số tiền 24.820.000 đồng. Như vậy, K chiếm đoạt tiền của các hội viên trong dây hội này với số tiền là 22.340.000 đồng.

Dây hội thứ 03: Dây hội 5.000.000 đồng, mở ngày 09/4/2014 dương lịch (âm lịch là ngày 10/3/2014), hội khai 03 tháng 01 lần, gồm 16 phần hội, có 15 người tham gia và tên trong dây hội như sau: Phạm Văn Tình (01 phần), Lê Thị Hồng H (01 phần), Nguyễn Thị N (01 phần), Lâm Thị Kim L (01 phần), Nguyễn Thị T3 (02 phần), Nguyễn Thị Kim T (01 phần), Cao Thị H (01 phần), Nguyễn Thị Mười H (01 phần), Nguyễn Thị Mười (01 phần), Phạm Thị T (01 phần), Nguyễn Thị N2 (01 phần), Phan Thị H (01 phần), Huỳnh Thị T (01 phần), bị cáo kê tên không “Vợ Linh bác 8” 01 phần, Huỳnh Thị E (01 phần).

Trong dây hội này, có 15 hội viên tham gia, mỗi người tham gia 01 phần, K không tham gia, riêng Nguyễn Thị T3 tham gia 02 phần, hội khai được 07 kỳ thì vỡ hội còn 08 người chưa hốt hội (Nguyễn Văn T4, Lâm Thị Kim L, Cao Thị H, Nguyễn Thị Mười H, Nguyễn Thị Mười, Phạm Thị T, Nguyễn Thị N2, Phan Thị H), số tiền các hội viên đóng tổng cộng là 216.340.000 đồng. Vào kỳ khai thứ 02, K tự ý kêu 2.200.000 đồng và hốt phần hội không tên “Vợ Linh bác 8” do K tự ý kê tên trong sổ hội (phần hội không này các hội viên đều không biết), số tiền hốt được là 44.200.000 đồng. Sau đó, K tiếp tục choàng tiền đóng hội chết đến lúc vỡ hội được số tiền 28.000.000 đồng. Như vậy, K chiếm đoạt tiền của các hội viên trong dây hội này với số tiền là 16.200.000 đồng.

Dây hội thứ 04: Dây hội 5.000.000 đồng, mở ngày 09/4/2014 dương lịch (âm lịch là ngày 10/3/2014), hội khai 03 tháng 01 lần, gồm 16 phần hội, có 15 người tham gia và tên trong dây hội như sau: Phạm Văn Tuấn (02 phần), Lê Thị Hồng H (01 phần), Nguyễn Thị N (01 phần), Lâm Thị Kim L (01 phần), Tô Thị Lý (01 phần), Nguyễn Thị Kim T (01 phần), bị cáo kê tên không “Nguyên bác 8” 01 phần, Nguyễn Thị Dung (01 phần), Cao Thị H (01 phần), Nguyễn Thị N (01 phần), Phạm Thị T (01 phần), Nguyễn Văn Thanh Điền (01 phần), Trần Thị H (01 phần), Nguyễn Thị Phụng (01 phần), Nguyễn Thị H Thắm (01 phần).

Trong dây hụi này, có 15 hụi viên tham gia, mỗi người tham gia 01 phần, K không tham gia, riêng Phạm Văn Tuấn tham gia 02 phần, hụi khai được 07 kỳ thì vỡ hụi còn 08 người chưa hốt hụi (Phạm Văn Tuấn, Lâm Thị Kim L, Tô Thị Lý, Cao Thị H, Phạm Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Thanh Điền, Nguyễn Thị H Thắm), số tiền các hụi viên đóng tổng cộng là 206.560.000 đồng. Vào kỳ khai thứ 06, K tự ý kê 2.710.000 đồng và hốt phần hụi không tên “Nguyên bác 8” do K tự ý kê tên trong sổ hụi (phần hụi không này các hụi viên đều không biết), số tiền hốt được là 45.190.000 đồng. Sau đó, K tiếp tục choàng tiền đóng hụi chết đến lúc vỡ hụi được số tiền 11.320.000 đồng. Như vậy, K chiếm đoạt tiền của các hụi viên trong dây hụi này với số tiền là 33.870.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2019/HSST, ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Huỳnh Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị K 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 04 năm. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền 76.737.000 (*Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn*) đồng cụ thể như sau:

1. Lê Thị M, số tiền: 8.627.000 đồng.
2. Nguyễn Thị Thúy P, số tiền 16.074.000 đồng.
3. Nguyễn Thị N, số tiền 7.447.000 đồng.
4. Phạm Thị H1, số tiền 7.447.000 đồng.
5. Phạm Văn Tình, số tiền 1.800.000 đồng.
6. Cao Thị H, số tiền 5.563.000 đồng.
7. Nguyễn Thị Mười H, số tiền 1.800.000 đồng.
8. Phạm Thị T, số tiền 5.563.000 đồng.
9. Nguyễn Thị N2, số tiền 1.800.000 đồng.
10. Phan Thị H, số tiền 1.800.000 đồng.
11. Phạm Văn Tuấn, số tiền 7.527.000 đồng.
12. Tô Thị Lý, số tiền 3.763.000 đồng.
13. Nguyễn Thị N, số tiền 3.763.000 đồng.
14. Nguyễn Thị H Thắm, số tiền 3.763.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo bồi thường cho các bị hại như đã nêu trên là 76.737.000 (*Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn*) đồng.

Đối với 05 bị hại như bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị Mười, bà Lâm Thị Kim L; bà Huỳnh Thị E và ông Nguyễn Văn Thanh Điền đều không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt tổng cộng là 21.553.000 đồng nên không xem xét, giải quyết.

Hoàn trả cho bị cáo Huỳnh Thị K 21.263.000 đồng tiền khắc phục hậu quả chênh lệch sau khi cần trừ vào khoản tiền mà bị cáo phải khắc phục cho các bị hại.

Giao Chi cục thi hành án dân sự huyện C tiếp tục quản lý số tiền 98.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2010/0008898, ngày 28/01/2019 để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, các bị hại bà Nguyễn Thị Thúy P, bà Nguyễn Thị Mười H, bà Phạm Thị H1, bà Lê Thị M, bà Phạm Thị T, bà Cao Thị H, bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L yêu cầu tăng nặng hình phạt không cho bị cáo hưởng án treo và tăng tiền bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Thị K thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm thể hiện là đúng. Các bị hại vẫn giữ nguyên kháng cáo nhưng đồng ý với án sơ thẩm về phần dân sự và đều yêu cầu tăng hình phạt không cho bị cáo hưởng án treo.

- *Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh*: Xét thấy bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm phần bà L. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở kết luận, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Huỳnh Thị K về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt là đã đánh giá đầy đủ hết các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, hơn nữa bị cáo đã bị tạm giam trong thời gian dài. Từ đó án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 năm là phù hợp có đủ căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 giữ nguyên án sơ thẩm.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích của các bị hại có kháng cáo: Vị luật sư thống nhất về tội danh, còn về hình phạt thì vị luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 02 năm tù là chưa đánh giá hết đầy đủ hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi bị cáo bị truy tố ở khung hình phạt nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi tinh vi, tẩu tán tài sản, bị cáo chiếm đoạt các phần hui măn của bà P, bà M, bà Mười H. Ngoài số tiền chiếm đoạt bị truy tố, bị cáo chiếm đoạt số tiền hui không phải chỉ 98.000.000 đồng mà không trả cho bị hại là chưa ăn năn hối cải. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, không cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo như án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến kiểm sát viên, quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị hại, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị hại đều trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng đã có văn bản thể hiện rõ bà xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy việc rút đơn kháng cáo của bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bà L.

[2] Xét kháng cáo của các bị hại bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy P, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị Mười H, bà Cao Thị H, bà Phạm Thị H1 yêu cầu tăng nặng hình phạt không cho bị cáo hưởng án treo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Huỳnh Thị K 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 04 năm nhận thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan tính chất, hậu quả của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo ly hôn chồng hiện đang nuôi con còn nhỏ đang tuổi đi học, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tích cực tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt trong vụ án 98.000.000 đồng, khi vụ án xảy ra bị cáo cũng đã bị tạm giam 8 tháng 25 ngày. Từ phân tích trên, đối chiếu quy định của pháp luật bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội làm mất an ninh trật tự địa phương, không đủ sức răn đe phòng ngừa tội phạm. Đây là tội lừa đảo thông qua hội tại địa bàn huyện C xảy ra liên tục, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” đối với bị cáo là thiếu sót. Từ đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại không cho bị cáo hưởng án treo.

Đối với yêu cầu kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự của các bị hại cho là bị cáo chiếm đoạt nhiều hơn so với số tiền án sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt. Tại phiên tòa hôm nay tất cả các bị hại đều đồng ý phần bồi thường như án sơ thẩm xét xử, phần còn lại sẽ giải quyết dân sự và không đồng ý rút lại kháng cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình truy tố, phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã chứng minh được bị cáo Huỳnh Thị K trong các dây hội do bị cáo làm đầu thảo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các hội viên ở 04 dây hội gồm: Mở hai dây hội cùng ngày 04/3/2011dl (30/01/2011al) loại hội 5.000.000đ mỗi dây đều có 17 phần, đều khai được 14 kỳ, còn lại 3 kỳ thì bị cáo Huỳnh Thị K tuyên bố vỡ hội (dây số 1 và 2). Trong này mỗi dây bị cáo lấy 01 phần hội có thật của chị Nguyễn Thị Thúy P đề hốt vào lần khai thứ 06 và 04 chiếm đoạt của các hội viên tổng số tiền đến thời điểm tuyên bố vỡ hội của 02 dây trên là 48.220.000đ trong đó có chị P 2 phần chưa hốt bị chiếm đoạt là 16.074.000đ, chị M 01 phần chưa hốt bị chiếm đoạt là 8.627.000đ, chị Phạm Thị H1 01 phần chưa hốt bị chiếm đoạt là 7.447.000đ.

Hai dây cùng ngày 09/4/2014dl (10/3/2014al) loại hội 5.000.000đ mỗi dây đều có 16 phần, đều khai được 07 kỳ, còn lại 09 kỳ thì bị cáo Huỳnh Thị K tuyên bố vỡ hội (dây số 3 và 4). Trong hai dây này bị cáo đưa vào hai phần hội không và hốt vào kỳ khai hội thứ 02 và 06 chiếm đoạt của các hội viên tổng số tiền đến thời điểm tuyên bố vỡ hội của 02 dây trên là 50.070.000đ trong đó chị Nguyễn

Thị Mười H 01 phần 1.800.000 đồng, bà Nguyễn Thị N 01 phần 3.763.000đ, chị Cao Thị H 2 phần 5.563.000đ, bà Phạm Thị T 02 phần 5.563.000đ như vậy án sơ thẩm đã nhận định và tuyên xử là có căn cứ, đúng pháp luật

Như vậy trong 04 dây hui trên bị cáo Huỳnh Thị K chỉ có hành vi gian dối để hốt ở mỗi dây 01 phần hui chiếm đoạt như phân tích ở trên, còn các lần khai hui còn lại trong 04 dây hui đã khai là hui viên thật tham gia và có hốt hui thật nên việc bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy P, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị Mười H, bà Cao Thị H, bà Phạm Thị H1 đóng hui sống để đầu thảo giao cho người hốt hui thật là nghĩa vụ trong giao dịch dân sự và nếu có tranh chấp sẽ giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy P, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị Mười H, bà Cao Thị H, bà Phạm Thị H1.

[3] Quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại có phần phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] *Án phí*: Bị cáo Huỳnh Thị K không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy P, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị Mười H, bà Cao Thị H, bà Phạm Thị H1, bà Nguyễn Thị L Nguyễn Thị N không phải nộp án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu rút toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bà L.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị hại bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy P, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị Mười H, bà Cao Thị H, bà Phạm Thị H1.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2019/HSST, ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh về hình phạt.

Căn cứ các Điều 45, 260, 268, 269 và Điều 299 và của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị K 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 16/01/2019 đến ngày 11/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Huỳnh Thị K bồi thường cho các bị hại số tiền 76.737.000 (*Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) cụ thể như sau:

1. Lê Thị M, số tiền: 8.627.000 đồng.
2. Nguyễn Thị Thúy P, số tiền 16.074.000 đồng.
3. Nguyễn Thị N, số tiền 7.447.000 đồng.
4. Phạm Thị H1, số tiền 7.447.000 đồng.
5. Phạm Văn Tình, số tiền 1.800.000 đồng.
6. Cao Thị H, số tiền 5.563.000 đồng.
7. Nguyễn Thị Mười H, số tiền 1.800.000 đồng.
8. Phạm Thị T, số tiền 5.563.000 đồng.
9. Nguyễn Thị N2, số tiền 1.800.000 đồng.
10. Phan Thị H, số tiền 1.800.000 đồng.
11. Phạm Văn Tuấn, số tiền 7.527.000 đồng.
12. Tô Thị Lý, số tiền 3.763.000 đồng.
13. Nguyễn Thị N, số tiền 3.763.000 đồng.
14. Nguyễn Thị H Thắm, số tiền 3.763.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Giao Chi cục thi hành án dân sự huyện C tiếp tục quản lý số tiền 76.737.000 (*Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn*) trong tổng số tiền 98.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2010/0008898, ngày 28/01/2019 để đảm bảo thi hành án phần bồi thường dân sự trong bản án, số tiền còn lại hoàn trả cho bị cáo Huỳnh Thị K là 21.263.000 đồng

- *Án phí*: Bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy P, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị Mười H, bà Cao Thị H, bà Phạm Thị H1, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy P, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị Mười H, bà Cao Thị H, bà Phạm Thị H1 đã nộp mỗi người 200.000 đồng theo biên lai số 0005328, 0005323, 0005324, 0005325, 0005326, 0005327 cùng ngày 21/10/2019 tại Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC H Nội;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C,;
- Chi cục THA huyện C,;
- CA huyện C,;
- Người kháng cáo;
- Bị cáo;
- Lưu.

Nguyễn Văn Thành